

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 48/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21/9/2020
V/v Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Sỹ Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hạnh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 25/02/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn H, sinh ngày 03/5/1977; CMND số 183136837; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị H1; sinh ngày 27/11/1980; CMND số 183284227; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan (không rõ địa chỉ cụ thể), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai cũng như các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn anh Đinh Văn H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H1 đăng ký kết hôn ngày **21/02/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do thiếu tôn trọng nhau, dẫn đến bất hòa, mất tình cảm. Hiện tại cả hai đã cắt đứt liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, tình cảm

không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên anh làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung **Đình Thị B, sinh ngày 08/10/2003 và Đình Thị Phương L, sinh ngày 29/9/2007**. Anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị Hà cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã hai lần thông qua người nhà chị Lê Thị H1 yêu cầu cung cấp địa chỉ của chị Hà tại nước ngoài để Tòa án thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho chị, nhưng gia đình từ chối cung cấp địa chỉ, tuy nhiên bà Trương Thị H (mẹ đẻ) chị Hà vẫn nhận các văn bản tố tụng và khẳng định đã thông báo cho chị Hà biết, bà còn trình bày: Vợ chồng H1- H mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên nhân do anh H đi lao động nước ngoài không gửi tiền về cho vợ con. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng không sống chung. Hiện tại anh Hải đã có con riêng với người phụ nữ khác (bút lục số 27).

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127, 104 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Khoản 3 Điều 2, Điều 19, 28, 35, 37, 39, 228, Điều 273, khoản 2 Điều 479, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đình Văn H xử cho anh Hải được ly hôn với chị Hà, giao các con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Hà không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

[1.1] Anh Đình Văn H và chị Lê Thị H1 đều có hộ khẩu thường trú tại xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Chị H1 hiện đang cư trú tại nước ngoài (đã xuất cảnh vào ngày 22/02/2016 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh). Anh H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết việc ly hôn. Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35, 37,

39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên bị đơn chị Lê Thị H1 vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, chị Lê Thị H1 đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn H và chị Lê Thị H1 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 21/02/2003. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa anh Hải và chị Hà là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh Đinh Văn H và chị Lê Thị H1 thấy rằng:

Mặc dù, không có ý kiến của chị Lê Thị H1 về mâu thuẫn vợ chồng, tuy nhiên căn cứ vào thực tế, HĐXX xác định mâu thuẫn vợ chồng của anh Hải- chị Hà là trầm trọng vì những lý do sau:

- Nguyên đơn, anh Đinh Văn H thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, nên bất hòa và mất tình cảm. Hiện tại cả hai đã cắt đứt liên lạc, chị Hà hiện đang lao động cụ thể ở đâu, anh Hải cũng không biết, vợ chồng không ai quan tâm tới ai, bản thân anh Hải không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân và có nguyện vọng được ly hôn.

- Theo trình bày của bà Trương Thị H (mẹ đẻ của chị H1) thì mâu thuẫn vợ chồng anh H, chị H1 phát sinh từ năm 2013, từ thời điểm đó đến nay vợ chồng không sống chung và hiện nay anh Hải đã có con chung với người phụ nữ khác.

- Có căn cứ rõ ràng chị Hà đã được biết việc anh Hải khởi kiện yêu cầu ly hôn (bút lục số 27, 31), tuy nhiên chị không có bất cứ động thái nào để hàn gắn tình cảm.

Hội đồng xét xử nhận định, anh H và chị H1 đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng là “*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng*

có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác” (Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014). Mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho anh Đinh Văn H được ly hôn với chị Lê Thị H1.

[2.2] Quan hệ con chung: Các con chung **Đinh Thị B, sinh ngày 08/10/2003 và Đinh Thị Phương L, sinh ngày 29/9/2007** có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố và thực tế hiện nay anh Hải là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, chị Hà không thể thực hiện việc trực tiếp nuôi dưỡng các con, nên giao các con chung cho anh Hải chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung. Nếu sau này, chị Hà chứng minh Đinh Thị B và Đinh Thị Phương L không được chăm sóc tốt, bản thân chị đủ điều kiện nuôi con hơn anh Hải thì có quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127, 104 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Khoản 3 Điều 2, Điều 19, 28, 35, 37, 39, 228, Điều 273, khoản 2 Điều 479, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đinh Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đinh Văn H được ly hôn với chị Lê Thị H1.

2. Về con chung: Giao các con chung **Đinh Thị B, sinh ngày 08/10/2003 và Đinh Thị Phương L, sinh ngày 29/9/2007** cho anh **Đinh Văn H** trực tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Đinh Văn H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0001799 ngày 25/02/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn hạn 15 ngày.
Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được
tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các bên đương sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Sỹ Quân

Nguyễn Thái Linh

Trần Hồng Hải

